**GIÁO ÁN NGỮ VĂN LỚP 8 – HỌC KÌ I – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU**

**NGƯỜI THỰC HIỆN: ĐOÀN THỊ THU PHƯƠNG**

**TRƯỜNG TH – THCS NGÔ QUYỀN**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I** |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

* Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.
* Nêu được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp em tự đánh giá kết quả học tập cuối kì.

**2. Năng lực cần hình thành**

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin; năng lực tự học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

**3. Phẩm chất**

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phương tiện, học liệu:

+ Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: Các câu hỏi kiểm tra kiến thức

**2. Học sinh.**

Trả lời các câu hỏi phần Nội dung ôn tập ( Tr 134 -> 138/SGK) vào vở soạn bài.

**C. TỖ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: MỞ ĐẦU (5’)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS kết nối với kiến thức đã học, khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Nhanh như chớp” về các thể loại văn học và tên văn bản đã học trong chương trình Học kì I

GV kết nối với nội dung của bài ôn tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên, khích lệ kết quả đã đạt được của mỗi đội

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Gv chia lớp thành 3 đội, hướng dẫn luật chơi

- Tổ chức trò chơi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS quan sát câu hỏi và suy nghĩ cá nhân để dự đoán câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV chỉ định đội chơi trả lời câu hỏi theo thứ tự trò chơi trực tuyến

HS trả lời câu hỏi của trò chơi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án và công bố đội giành chiến thắng.

- Kết nối vào nội dung ôn tập

**2. HĐ 2: Ôn tập**

**a) Mục tiêu**:

Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức học kì I.

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, tham gia trò chơi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

\*GV kiểm tra phần chuẩn bị các câu hỏi phần Nội dung ôn tập ( Tr 134 -> 135/SGK) của HS (GV đã giao làm trước ở nhà).

**Nhiệm vụ: Củng cố tri thức về văn bản, thể loại**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bảnđã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - Tổ chức trò chơi điền khuyết  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  ***B4: Kết luận, nhận định (GV)***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1.** Các thể loại và kiểu văn bản đã học trong *Ngữ văn 8,* tập một là những thể loại và kiểu văn bản nào? Nêu một số ví dụ theo yêu cầu sau:   1. Văn bản văn học: tên thể loại và văn bản cụ thể 2. Văn bản nghị luận: tên thể loại và văn bản cụ thể 3. Văn bản thông tin: tên thể loại và văn bản cụ thể |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT

**Câu 1: Các thể loại và kiểu văn bản đã học trong *Ngữ văn 8,* tập một**

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thể loại hoặc kiểu loại** | **Tên văn bản đã học** |
| **Văn bản văn học** | Truyện ngắn | **-**  Tôi đi học (Thanh Tịnh)  - Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)  - Người mẹ vườn cau – Nguyễn Ngọc Tư |
| - Thơ | - Nắng mới – Lưu Trọng Lư  - Nếu mai em về Chiêm Hóa – Mai Liễu  - Đường về quê mẹ - Đoàn Văn Cừ  - Quê người – Vũ Quần Phương |
| * Hài kịch | - Đổi tên cho xã – Lưu Quang Vũ  - Ông Giuốc đanh mặc lễ phục - Môlie |
| -Truyện cười | - Cái kính – Nêxin  - Thi nói khoác  - Treo biển |
| **Văn bản thông tin** | *-* Giải thích một hiện tượng tự nhiên | - Sao băng – Hồng Nhung  - Nước biển dâng – Bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI – Lưu Quang Hưng  - Lũ lụt là gì? Nguyên nhân và tác hại – Mơ Kiều  - Vì sao chim bồ câu không bị lạc đường? – Hoàng Tân, Trần Thúy Hoa |
| **Nghị luận xã hội** | * Hịch * Cáo * Chiếu | - Hịch tướng sĩ – Trần Quốc Tuấn  - Nước Đại Việt ta – Nguyễn Trãi  - Chiếu dời đô – Lý Công Uẩn  - Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới – Vũ Khoan  - Nước Việt ta nhỏ hay không nhỏ - Dương Trung Quốc |

**Nhiệm vụ:** Củng cố tri thức về nội dung chính của các văn bản truyện trong  sách Ngữ văn 8, tập 1

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được nội dung chính của các văn bản đọc hiểu đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 2.** Nội dung khái quát bao trùm toàn bộ các văn bản truyện ở Bài 1 trong sách *Ngữ văn 8* tập một là gì? Nêu nhận xét về đặc điểm hình thức thể loại nổi bật của các văn bản đó và những điểm cần lưu ý vể cách đọc hiểu. |

GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 2:**

**Gợi ý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản** | **Nội dung chính** |
| **1** | - Tôi đi học (Thanh Tịnh) | Dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi” trong những ngày đầu đến trường. Những kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò nhất là buổi tựu trường đầu tiên thường được ghi nhớ mãi. |
| **2** | - Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam) | - Truyện kể về những con người trong xóm chợ khi gió lạnh đầu mùa về. Qua đó, Thạch Lam ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người.  - Truyện gửi gắm bài học về tình yêu thương, chia sẻ.  - Nhắc nhở mỗi người về đạo lí tốt đẹp của dân tộc: “Thương người như thể thương thân”. |
| **3** | - Người mẹ vườn cau – Nguyễn Ngọc Tư | Kí ức của tác giả về người bà nội – một người mẹ anh hùng giàu đức hy sinh và đáng thương. Qua đó, gửi gắm đến người đọc thông điệp về sự biết ơn và kính trọng những người đã hi sinh vì lí tưởng cách mạng, vì nền hòa bình độc lập và những người mẹ anh hùng. |

**- Nội dung khái quát** bao trùm toàn bộ các văn bản truyện ở Bài 1: viết về câu chuyện giản dị, đời thường, giàu tính triết lí.

**\* Đặc điểm hình thức thể loại Truyện ngắn**

Truyện ngắn là thể loại cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một “khoảnh khắc”, một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật. Kết cấu truyện ngắn không chia thành nhiều tuyến. Bút pháp trần thuật thường là chấm phá. Yếu tố quan trọng nhất của truyện ngắn là những chi tiết cô đúc, lối hành văn mang nhiều hàm ý. Có truyện ngắn khai thác cốt truyện kì lạ, lại có truyện ngắn viết về câu chuyện giản dị, đời thường; có truyện ngắn giàu tính triết lí, trào phúng, châm biếm, hài hước, lại có truyện ngắn rất giàu chất thơ.

**\* Những điểm cần lưu ý vể cách đọc hiểu.**

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

**Nhiệm vụ:** Củng cố tri thức về nội dung chính của các văn bản thơ trong  sách Ngữ văn 8, tập 1

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được nội dung chính của các văn bản thơ (6 chữ, 7 chữ) đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia lớp thành các nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 3.** Nhận xét về nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc,...) của các văn bản thơ (sáu chữ, bảy chữ) trong Bài 2 và nêu một số điểm cần lưu ý về cách đọc thể thơ này. |

**Gợi ý**

- Nhận xét về nội dung (đề tài, chủ đề, cảm xúc,...) của các văn bản thơ (sáu chữ, bảy chữ) trong Bài 2: Các văn bản là những dòng thơ hoài niệm về quá khứ về quê hương, gia đình qua đó thể hiện nỗi nhớ quê hương, gia đình của tác giả.

- Nêu một số điểm cần lưu ý về cách đọc thể thơ:

* Thơ sáu chữ là thể thơ mỗi dòng có sáu chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2/2, 2/4 hoặc 4/2, có khi ngắt nhịp 3/3
* Thơ bảy chữ là thể thơ mỗi dòng có bảy chữ. Các dòng trong bài thơ thường ngắt nhịp 4/3, cũng có khi ngắt nhịp 3/4. Cách ngắt nhịp còn phụ thuộc vào nghĩa của câu thơ, dòng thơ.
* Bài thơ 6 chữ hoặc 7 chữ thường có nhiều vần. Vần thường là vần chân hoặc vần cách.

**Nhiệm vụ:** Đề tài và chủ đề chung của các văn bản thông tin ở Bài 3 có gì đặc sắc? Nêu ý nghĩa của các nội dung học ở bài này. Xác định các lưu ý về cách đọc các văn bân thông tin trong Bài 3.

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được Đề tài và chủ đề chung của các văn bản thông tin ở Bài 3

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv giao nhiệm vụ  Hs thảo luận theo bàn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 4:** Đề tài và chủ đề chung của các văn bản thông tin ở Bài 3 có gì đặc sắc? Nêu ý nghĩa của các nội dung học ở bài này. Xác định các lưu ý về cách đọc các văn bân thông tin trong Bài 3. |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

Đề tài và chủ đề chung của các văn bản thông tin ở Bài 3 là  giải thích một hiện tượng tự nhiên. Văn bản trả lời các câu hỏi:  Hiện tượng đó là gì? Tại sao có hiện tượng đó? Chúng có lợi hay có hại như thế nào? Cần làm gì để tận dụng lợi ích và khắc phục ảnh hưởng xấu của chúng?... Văn bản tập trung nêu lên và trả lời các câu hỏi ấy bằng những kiến thức có cơ sở khoa học là văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên.

Khi đọc các văn bản thông tin, cần chú ý nội dung ý tưởng và hướng triển khai thôngtin theo một cách hoặc kết hợp những cách khác nhau như: trình bày theo trật tự thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, mức độ quan trọng hay phân loại đối tượng.

**Nhiệm vụ:** Nêu nội dung chính của các văn bản hài kịch và truyện cười trong Bài 4, từ đó nhận xét và phân tích ý nghĩa tiếng cười được thể hiện trong các văn bản này.

**a. Mục tiêu:** Nêu nội dung chính của các văn bản hài kịch và truyện cười

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu hs hoạt động cá nhân  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi bạn khác nhận xét, bổ sung câu trả lời ..  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 5:** Nêu nội dung chính của các văn bản hài kịch và truyện cười trong Bài 4, từ đó nhận xét và phân tích ý nghĩa tiếng cười được thể hiện trong các văn bản này. |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

Nội dung chính của các văn bản hài kịch và truyện cười trong Bài 4 xoay quanh những xung đột giữa cái xấu (cái thấp hèn) với cái tốt (cái đẹp, cái cao cả). xung đột trong vở hài kịch Bệnh sĩ của Lưu Quang Vũ là mâu thuẫn giữa sự chân thực, thật thà với bệnh giả dối, ảo tưởng. Nhưng cũng có khi xung đột là mâu thuẫn giữa cái xấu với cái xấu, ví dụ: mâu thuẫn giữa sự dốt nát của ông Giuốc-đanh (Jourdain) và sự mưu mô lừa lọc của gã phó may trong vở Trưởng giả học làm sang của Mô-li-e.

Tiếng cười trong các văn bản là tiếng cười để châm biếm, đả kích, phê phán những thói hư tật xấu, cái lố bịch, lỗi thời, trong đời sống. Tiếng cười đó được tạo ra bởi các mâu thuẫn (xung đột), nhân vật, hành động, lời thoại,... và một số thủ pháp trào phúng tiêu biểu. Hài kịch thường phân biệt với bi kịch.

**Câu 6.** Các văn bản trong Bài 5. *Nghị luận xã hội* có chung nội dung gì? Cần lưu ý những gì về cách đọc các văn bản này?

Các văn bản trong Bài 5 có chung nội dung chung là văn bản nghị luận xã hội thời kì trung đại.Khi đọc các văn bản nghị luận cần xác định được các luận đề bao trùm bài viết, các luận điểm, luận cứ, ý kiến đánh giá của người viết cùng các dẫn chứng chứng minh.

**Câu 7.** Nhìn chung, tất cả các văn bản trong sách *Ngữ văn 8.* tập một đều có nội dung gần gũi, sâu sắc và thiết thực đối với đời sống hiện nay. Em hãy phân tích và làm sáng tỏ nhận xét đó thông qua một số ví dụ cụ thể.

Quyển sách Ngữ Văn 8 tập một giúp cho chúng ta hiểu và cảm nhận được tình cảm gia đình, quê hương ấm áp qua những câu chuyện đời thường gần gũi thân quen. Ở bài một là vườn cau của mẹ kể lại những kỉ niệm của nhân vật tôi về người bà. Bài hai là các bài thơ như Đường về quê mẹ với kí ức của người còn về người mẹ và những lần cùng mẹ về quê nhận họ. Bên cạnh đó cuốn sách còn cũng cấp cho chúng ta kho tàng kiến thức về các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề xã hội thông qua các bài thuyết minh và nghị luận. Ví dụ như văn bản Sao băng cung cấp cho học sinh những thông tin về hiện tượng Sao băng, văn bản Hịch tướng sĩ nghị luận về vấn đề đề xã hội thời trung đại. Nhìn chung, tất cả các văn bản trong sách Ngữ văn 8, tập một đều có nội dung gần gũi, sâu sắc và thiết thực đối với đời sống hiện nay.



**Nhiệm vụ:** Củng cố tri thức đã học về rèn kĩ năng viết

**a. Mục tiêu:**

- **Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ Văn 8, tập một**

- **Nắm được các bước tiến hành viết một văn bản** và nhiệm vụ của từng bước

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Chia lớp thành 3 nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm qua phiếu học tập từ câu 8 đến câu 11  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn học sinh thực hiện kĩ thuật khăn phủ bàn  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 8.** Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách *Ngữ văn 8,* tập một thuộc những kiểu văn bản nào? Chi ra mối quan hệ giữa phần viết và phần đọc hiểu của mỗi bài.  **Câu 9.** Nêu yêu cầu và tác dụng của việc tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ.  **Câu 10.** Sách giáo khoa *Ngữ văn 8,* tập một hướng dẫn em rèn luyện những kĩ năng viết nào? Phân tích ý nghĩa và tác dụng của các kĩ năng ấy.  **Câu 11.** Các nội dung và yêu cầu của phần viết trong sách *Ngữ văn 8.* tập một có gì mới so với *Ngữ văn 7?* |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 8.** - Các dạng văn bản cụ thể được luyện viết trong sách Ngữ văn 8, tập một thuộc những kiểu văn bản

* Bài 1: Kể lại một chuyến đi hoặc một hoạt động xã hội
* Bài 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ
* Bài 3: Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên
* Bài 4: Nghị luận về một vấn đề của đời sống
* Bài 5: Nghị luận về một vấn đề của đời sống

- Giữa phần viết và phần đọc hiểu của mỗi bài học có quan hệ mật thiết với nhau. Mỗi bài viết đều có cùng chủ đề hoặc cùng kiểu văn bản với các văn bản đọc hiểu.

**Câu 9.**

Yêu cầu của việc tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ: Khi tập làm thơ, cần chú ý xác định rõ đề tài (viết về ai, về điều gì) và cảm xúc, suy nghĩ,... của bản thân về điều mình định viết; chú ý đảm bảo số chữ trong mỗi dòng thơ và cách gieo vần của bài thơ đã nêu trong phần Kiến thức ngữ văn.

Tác dụng của việc tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ là giúp học sinh hiểu hơn và nắm bắt được các bước cơ bản làm thơ.

**Câu 10.**

Sách giáo khoa Ngữ văn 8, tập một hướng dẫn em rèn luyện những kĩ năng viết: viết đoạn văn biểu cảm; viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp và phối hợp; nêu bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng; câu khẳng định, câu phủ định và câu cảm thán trong văn nghị luận.

Mỗi bài viết đều rèn luyện những kĩ năng khác nhau nhằm phục vụ cho quá trình viết văn trở nên thuận tiệt và tốt hơn. Ví dụ như "viết đoạn văn biểu cảm" phục vụ cho bài viết bộc lộ suy nghĩ về một tác phẩm văn học; "nêu bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng" phục vụ cho việc tìm kiếm, chọn lọc dẫn chứng phù hợp cho các bài văn nghị luận; "câu khẳng định, câu phủ định và câu cảm thán trong văn nghị luận" rất quan trọng trong quá trình viết văn.

**Câu 11.**

**- Trong sách Ngữ văn 7 rèn luyện cho các em viết các kiểu văn bản:**

* Tự sự: Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, có sử dụng các yếu tố miêu tả.
* Biểu cảm: Bước đầu biết làm thơ bốn chữ, năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. Biểu cảm về con người hoặc sự việc.
* Nghị luận: Nghị luận về một vấn đề trong đời sống (nghị luận xã hội) và phân tích đặc điểm nhân vật (nghị luận văn học)
* Thuyết minh: Thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi.
* Nhật dụng: Viết bản tường trình.

**- Sách Ngữ văn 8 rèn luyện cho các em viết các kiểu văn bản:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kiểu văn bản** | **Nội dung cụ thể** |
| tự sự | Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, có dùng yếu tố miêu tả,  biểu cảm. |
| biểu cảm | Bước đầu biết làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. Viết đoạn văn ghi lại  cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ. |
| nghị luận | Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (nghị luận xã hội) và bài  phân tích một tác phẩm văn học (nghị luận văn học). |
| thuyết minh | Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. |
| nhật dụng | Kiến nghị về một vấn đề đời sống. |

**NÓI VÀ NGHE**

**Nhiệm vụ: Củng cố tri thức đã học về rèn kĩ năng nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được các yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện kĩ năng nói và nghe

trong sách Ngữ Văn 8, tập một

- Nắm được các bước tiến hành luyện kĩ năng nói và nghe và nhiệm vụ của từng bước

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phân công nhiệm vụ cho hs làm việc cặp đôi  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 12:** Nêu những nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe ở sách *Ngữ văn 8,* tập một. Xác định trọng tâm phần nói và nghe của mỗi bài.  **Câu 13.** Nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe liên quan với nội dung đọc hiểu và viết trong mỗi bài học như thế nào? Phân tích một số ví dụ ở các bài trong sách *Ngữ văn 8.* tập một để làm sáng tỏ. |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 12:** Những nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe trong sách Ngữ văn 8, tập một:

* Nghe và tóm tắt lại nội dung chính của một bài thuyết trình về một vấn đề của đời sống
* Thảo luận về một vấn đề trong đời sống
* Tóm tắt nội dung thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên
* Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống
* Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội

Trong tâm của bài là rèn luyện kĩ năng nghe hiểu, tóm tắt, viết và kỹ năng nói trước đám đông.

**Câu 13.**

Nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe có liên quan mật thiết với nội dung đọc hiểu và viết trong mỗi bài học. Nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe có cùng chủ đề hoặc cùng kiểu văn bản với các văn bản đọc hiểu và viết trong mỗi bài học.  Ví dụ ở bài năm nội dung phần rèn luyện kỹ năng nghe và nói là "Nghe và tóm tắt lại nội dung chính của một bài thuyết trình về một vấn đề của đời sống" thì các văn bản đọc hiểu là nghị luận về một vấn đề xã hội, bài viết cũng là nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**TIẾNG VIỆT**

**Nhiệm vụ: Củng cố tri thức đã học về tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được các nội dung thực hành tiếng Việt trong sách Ngữ Văn 8, tập một

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nhớ lại kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phân công nhiệm vụ cho hs làm việc cặp đôi qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 14.** Nêu những nội dung chính cùa phần tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 8,* tập một. Các nội dung này có mối quan hệ như thế nào với phần đọc hiểu, viết, nói và nghe?  **Câu 15.** Nêu một số biện pháp tu tử có trong các văn bản thơ đã học ở Bài 2 và phân tích tác dụng của một biện pháp mà em thích |

**GV hướng dẫn HS chốt nhanh kiến thức:**

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM CẦN ĐẠT**

**Câu 14.** Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách Ngữ văn 8 là: Từ ngữ, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển của ngôn ngữ. Trong đó có các nội dung chính như:

* Bài 1 với các bài luyện tập trợ từ và thán từ
* Bài 2 với các bài tập từ đồng nghĩa, trái nghĩa, sắc thái nghĩa của từ.
* Bài 3 với các cách trình bày đoạn văn, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
* Bài 4 với các bài về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn
* Bài 5 với các bài tập về từ ghép Hán Việt, thành ngữ, tục ngữ.

Các nội dung này là những vấn đề được sử dụng nhiều trong các văn bản của phần đọc hiểu và được áp dụng trong quá trình viết bài, quá trình rèn luyện kỹ năng nói và nghe.

**Câu 15.** Một trong số các biện pháp tu từ có trong các văn bản thơ đã học ở bài 2 là từ đồng nghĩa, nhân hóa. Trong đó phép nhân hóa giúp cho các loại đồ vật, cây cối hay đồng vật đều trở nên sinh động hơn trong suy nghĩ, đem lại cho người đọc cảm giác gần gũi, thân thiết hơn. Ở nhiều trường hợp khác phép nhân hóa còn giúp cho các đồ vật, sự vật có thể biểu hiện được những suy nghĩ hay bày tỏ được tình cảm của con người.

**3. HĐ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**a) Mục tiêu**:

Giúp HS làm quen với dạng bài đánh giá tổng hợp cuối hk I

**b) Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, tham gia trò chơi “Ai là triệu phú”

**(Hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì I (sgk/136-138)**

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân

**d) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phổ biến luật chơi ***“Ai là triệu phú”***  Hs bình chọn người chơi  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi hs khác nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **(Hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì I (sgk/136-138)** |

3. Chuẩn bị kiểm tra chất lượng cuối học kì I.

**H. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 8 – *Cánh diều*

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**I. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**